TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà
Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Bé P**. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn H**. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/11/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Bé P trình bày:

Bà P và ông Lê Văn H quen biết, tìm hiểu nhau và cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết

hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/7/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, bà P nhận thấy cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, tình cảm không còn nên quyết định ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H có 02 người con chung tên Lê Võ Anh K, sinh ngày 01/7/2011 và Lê Võ Anh T, sinh ngày 29/9/2014. Hiện các con đang sống chung với bà P.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Võ Thị Bé P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Bé P yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con chung tên Lê Võ Anh K, sinh ngày 01/7/2011 và Lê Võ Anh T, sinh ngày 29/9/2014 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/11/2023 nguyên đơn bà Võ Thị Bé P xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung như sau: Do cháu Lê Võ Anh K có nguyện vọng được sống chung với ông Lê Văn H. Do đó, bà Võ Thị Bé P đồng ý giao cháu Lê Võ Anh K cho ông Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Võ Anh T đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn ông Lê Văn H: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lê Văn H, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Lê Văn H vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn bà Võ Thị Bé P có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bé P đối với bị đơn ông Lê Văn H, giải quyết cho bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về con chung: Bà Võ Thị Bé P đồng ý giao cháu Lê Võ Anh K cho ông Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Võ Anh T đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Lê Võ Anh T có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Võ Thị Bé P, còn cháu Lê Võ Anh K có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Lê Văn H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Võ Anh K cho ông Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Võ Anh T cho bà Võ Thị Bé P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Bé P tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Bé P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bé P yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H; Về con chung: Bà Võ Thị Bé P đồng ý giao cháu Lê Võ Anh K cho ông Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Võ Anh T đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly

hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị Bé P có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2009 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau**.** Cho nên bà Võ Thị Bé P đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm tìm ra được cách thức để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bị đơn ông Lê Văn H không có ý kiến, cũng không đến tham dự phiên hòa giải, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà Võ Thị Bé P yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé P và giải quyết cho bà Võ Thị Bé P được ly hôn với ông Lê Văn H.

[2] Về con chung: Bà bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H có 02 con chung là cháu Lê Võ Anh K, sinh ngày 01/7/2011 và cháu Lê Võ Anh T, sinh ngày 29/9/2014. Bà Võ Thị Bé P đồng ý giao cháu Lê Võ Anh K cho ông Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Võ Anh T đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Lê Võ Anh K có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Lê Văn H và cháu Lê Võ Anh T có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Võ Thị Bé P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Võ Anh K cho ông Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Võ Anh T cho bà

Võ Thị Bé P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[5] Về nợ chung: Bà Võ Thị Bé P tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Bé P phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bé P được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung:

Giao cháu Lê Võ Anh K, sinh ngày 01/7/2011 cho ông Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Võ Anh K đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Giao cháu Lê Võ Anh T, sinh ngày 29/9/2014 cho bà Võ Thị Bé P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Võ Anh T đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Bà Võ Thị Bé P và ông Lê Văn H đều không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Bé P tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Bé P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0009044 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà Võ Thị Bé P đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam